

# CHẾ ĐỘ RUỘNG ĐẤT QUẢNG BÌNH THỜI PHONG KIẾN QUA SƯU TẬP VĂN TỰ BẢN RUỘNG

PHAN THỊ HẰNG

**Q**uảng Bình là một tỉnh nằm trên dải đất miền Trung, có chiều dài lịch sử gắn với quá trình mở rộng bờ cõi về phía Nam của người Việt. Dù là nằm ven biển nhưng chiều sâu của văn hóa Quảng Bình lại không gắn liền với văn hóa biển mà người dân nơi đây lại lựa chọn cho mình văn hóa ruộng lúa nước. Chính vì sự lựa chọn đó, nên việc phân chia ruộng đất của làng xã cho người cũng hình thành từ rất sớm. Đặc biệt dưới thời phong kiến nhà Nguyễn thế kỷ XIX - XX với những chính sách về ruộng đất đã có tác động lớn đến đời sống xã hội làm cho bức tranh nông nghiệp - nông dân - nông thôn Quảng Bình mang một sắc thái riêng. Sưu tập văn tự bản ruộng thời Nguyễn ở Bảo tàng Quảng Bình đã góp phần minh chứng thêm điều đó.

Với số lượng khoảng 20 hiện vật nhưng sưu tập văn tự đã có những đóng góp nhất định khi nghiên cứu về quan hệ kinh tế, quan hệ giai cấp và đặc biệt giúp chúng ta có cái nhìn sâu hơn về tình hình ruộng đất ở Quảng Bình thời phong kiến. Có thể nói, dưới thời phong kiến, ruộng đất ở Quảng Bình được chia thành hai loại: Thổ canh và thổ cư.

Thổ canh là tư liệu sản xuất của người nông dân, bao gồm: Ruộng lúa, hoa màu, đó là ruộng đất thuộc sở hữu nhà nước mà đứng đầu là nhà vua, giao cho làng xã quản lý và phân chia cho các thành viên cày cấy theo tập quán riêng của địa phương, chứ không chịu sự chi phối của nhà nước. Hàng năm theo số lượng riêng của làng xã, người nông dân góp nhau đóng thuế cho nhà nước, vì thế nhiều khi phép vua thua lệ làng. Ruộng đất công được giữ vững là cơ sở của tính tự trị tồn tại, tạo cho làng xã ở Quảng Bình có một cuộc sống riêng, nên người dân nơi đây thường có câu: Đồng tư có nghĩa là ruộng riêng của từng làng và ngư chung tức là sông ngòi và nguồn lợi về cá tôm là của chung.

Thổ cư: bao gồm đất làm nhà, vườn tược ao hồ là thuộc quyền sở hữu của từng gia đình hay gia tộc, loại đất này so với toàn bộ đất đai của làng chỉ chiếm tỉ lệ nhỏ, chủ nhân của thổ cư có quyền truyền tử lưu tôn và mua bán chuyển nhượng.

Riêng bộ phận người Chứt, Bru Vân Kiều, Khùa... do cư trú ở vùng núi lại có thói quen di chuyển từ nơi này qua nơi khác nên thổ cư không thuộc sở hữu tư nhân.

Ngoài thổ canh, thổ cư, làng xã có những khu đất bãi để chăn nuôi, đầm hồ, bãi tha ma... Đây cũng thuộc sở hữu tập thể của làng, không ai được bao chiếm làm của riêng.

Cuộc sống êm đềm của người nông dân dưới lũy tre làng ở Quảng Bình bắt đầu có sự xáo trộn khi nhà Nguyễn lên ngôi. Sẽ là một thiếu sót nếu không đề cập đến thời điểm nhà Nguyễn lên ngôi khi chế độ phong kiến ở Việt Nam đã đi vào giai đoạn khủng hoảng kinh tế tư bản chủ nghĩa mâu thuẫn với chế độ phong kiến bảo thủ lạc hậu. Từ đây, nhà nước bắt đầu thu tóm quyền lực về tay mình, không những chi phối làng xã qua chế độ tô thuế mà còn nhúng tay vào việc phân chia ruộng đất công của làng xã. Có thể khẳng định rằng ở Quảng Bình loại thổ canh thuộc sở hữu của nhà nước đến thời điểm này đã bị nhà nước phong kiến chi phối mạnh mẽ. Sự chi phối đó mang tính hai mặt và nhiều khi bản thân nó không thể dung hòa được.

Một mặt nhà Nguyễn chú ý đến việc cải cách điền địa, tăng cường pháp chế để bảo vệ ruộng đất công, ai bỏ hoang ruộng đất sẽ bị phạt nhằm đảm bảo nguồn thu thuế để nuôi bộ máy quan lại, buộc người nông dân phải có nghĩa vụ đối với nhà nước là duy trì số lượng dân đinh phục vụ trong Quân đội, củng cố thêm quyền lực nhà nước. Từ đó tính tự trị của làng xã Quảng Bình không còn, mà phụ thuộc vào nhà nước, những người cày ruộng công

trở thành tá điền. Chính điều này đã góp phần củng cố quan hệ sản xuất phong kiến ở nông thôn, góp phần đẩy mạnh quá trình phong kiến hóa và mâu thuẫn giai cấp trở nên gay gắt.

Mặt khác nhà nước lại để ruộng đất công chịu sự chi phối mạnh mẽ của việc mua bán ruộng đất, của chế độ kinh tế hàng hóa, hiện tượng địa chủ chiếm ruộng đất đã làm cho nạn chiếm ruộng đất tăng cao, quỹ đất công bị thu hẹp dần và ruộng đất tư bành trướng. Quá trình chiếm ruộng đất gắn với quá trình bản cùng hóa của người nông dân, như tên địa chủ Phạm Trung đã sửa văn tự bán ruộng từ đời Cảnh Hưng đến đời Minh Mạng để chiếm ruộng đất của ông Cầu cổ nông với giá 15 quan để lấy 3 sào 7 thước (BTQP/G42).

Tên địa chủ Nguyễn Phạm chèn ép dân Lũ Phong - Quảng Trạch bán rẻ ruộng cho nó năm 1901 (BTQB/G849).

Thêm vào đó, nhà nước dùng ruộng đất công với số lượng lớn để phân cấp cho người thân thích, người có công lao, số lượng đất công không phải chịu thuế ngày càng tăng, ruộng đất cấp cho người dân bị thu hẹp lại, không đảm bảo cho người nông dân đủ điều kiện để sinh sống, làng xã bị tước đoạt quyền lực với ruộng đất công. Trong bộ máy quản lý của làng, xã, có hương mục chuyên lo sổ sách và phân chia ruộng công theo định kỳ cho dân cày cấy. Ruộng đất công được chia thành ba loại: Thượng đẳng điền, trung đẳng điền, hạ đẳng điền. Trong khi chia, những người có địa vị trong làng như Chánh tổng, Lý trưởng được nhận phần ruộng tốt, sau mới đến các bậc tráng đinh, dân ngụ cư phải chịu thiệt thòi và phải ăn hạng chết, qua 4-5 đời sau con cháu dân ngụ cư mới được tùy tuổi mà ăn ruộng như người trong làng.

Dưới thời Nguyễn, ruộng đất tư ở Quảng Bình phát triển mạnh và có các hình thức sở hữu sau:

- Sở hữu tiểu nông là do quá trình khai hoang phục hóa của những người nông dân, cùng với những điều luật cho phép cha mẹ phân chia tài sản trong đó có cả ruộng đất cho con cháu.

- Sở hữu địa chủ phát triển mạnh hơn, ở những nơi nhiều ruộng tư, tình trạng tập trung và bao chiếm ruộng đất của địa chủ cũng khá gay gắt. (Theo tiến sỹ Ngô Đức Thịnh) - Nông thôn Việt Nam trong lịch sử) - Nhà xuất bản khoa học xã hội

Hà Nội 1977 viết: Làng Sặt (tức Quy Đạt - Minh Hóa) có tổng Loạt bao chiếm phần khá lớn ruộng đất của làng. Ở xóm trong cũng thuộc làng Sặt có cổ Hưng chiếm 40 mẫu đất trong xóm. Sổ địa bộ của làng Lũ Phong, Quảng Trạch đã ghi chép về đất của nông dân trong làng bị tên địa chủ Nguyễn Phẩm và cha mẹ của y chiếm đoạt từ thời Thành Thái thứ 12, tổng cộng 42 mẫu (BTQB/G856). Hay như đơn của ông Nguyễn Niều ở Lệ Sơn - Quảng Trạch đã tố cáo tên lý trưởng hà hiếp nhân dân để mua ruộng tháng 6/1937 (BTQB/G554). Còn người nông dân một phần bị địa chủ chiếm đoạt ruộng đất, phần vì đời sống quá khổ cực vì đủ thứ thuế trên vai như thuế thân, thuế ruộng nên đành phải bán phần điền sản cuối cùng, bỏ làng đi tha hương kiếm sống. Một số văn tự bán ruộng của nông dân Quảng Bình dưới thời Nguyễn sẽ minh chứng thêm điều đó.

- Văn tự bán ruộng của Nguyễn Lưu, làng Thanh Lạng, tổng Cao Lao bán mãi đất cho Nguyễn Trí, năm Bảo Đại thứ 19 (BTQB/G36).

- Văn tự bán ruộng của Nguyễn Trục ở làng Thanh Lạng tổng Cao Lao bán đỡ đất cho Lê Tấn.

- Văn tự bán ruộng của nông dân làng Thanh Lãng Quảng Bình bán đoạn mãi đất tư.

Bên cạnh đó, trong mua bán ruộng đất nhà nước còn quy định rõ đó là: hình thức bán đỡ và hình thức bán đoạn để người mua và người bán thỏa thuận và ghi vào trong văn tự.

Hình thức bán đỡ là bán ruộng đất có thời hạn, đến hạn người chủ xin chuộc lại, còn nếu quá hạn sẽ không được chuộc.

Còn hình thức bán đoạn là bán hẳn không được chuộc lại.

Trong lịch sử Quảng Bình là vùng đất mà khi nhắc đến tên ai cũng nhớ đến câu ca dao:

*Quảng Bình là đất Ô Châu  
Ai đi đến đó quay bầu về không*

Nhưng nỗi khổ đó còn tăng gấp nhiều lần khi nhà Nguyễn lên ngôi đã thực hiện biện pháp tước đoạt tư liệu sản xuất, dồn người nông dân vào bước đường cùng, phải bỏ làng đi tha hương. Từ đó mâu thuẫn giữa giai cấp và tầng lớp thống trị ngày càng gay gắt. Suu tập văn tự bán ruộng như những nhân chứng kể mãi cho chúng ta nghe về hành vi bóc lột ruộng đất của nhà nước phong kiến.

P.T.H